TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2019
V/v:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2019/TLST- HNGĐ; ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc:*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1975
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
-Bị đơn: ông **Võ Văn H**, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn LH , huyện T, tỉnh Bình Thuận**.**

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Võ Văn H tự nguyện sống chung từ năm 1992, vì không hiểu biết pháp luật nên ông, bà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống từ năm 2014 ông, bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H ghen tuông xảy ra nhiều mâu thuẫn ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 04 con là Võ Thị Kim N, sinh năm 1993; (Giới tính: Nữ). Võ Chí B, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam), Võ Chí L, sinh năm 1996; (Giới tính: Nam) 03 con đều đã trưởng thành; con thứ 04 mới sinh ngày 14/11/2018 (giới tính nữ), chưa làm giấy khai sinh, ông H không thừa nhận là con chung, cả bà và ông H đều không thử ADN cho bé mặc dù đã được giải thích việc xác định huyết thống cho con khi có tranh chấp là cần thiết.

Nay bà xác định bé gái mới sinh là con riêng của bà trong thời kỳ bà và ông H chung sống, bà chỉ yêu cầu Tòa án xác định giữa bà và ông H có ba con chung.

- Về tài sản và nợ chung: bà và ông Võ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện sống chung vào năm 1992, vì không hiểu biết về pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà Đ không rõ ràng trong tài chính, khi ông nói ra bà Đ khó chịu, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt. Hiện nay vợ chồng đã ly thân 04 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý.

- Về con chung: trong thời kỳ sống chung ông xác định có 03 con Võ Thị Kim N, sinh năm 1993; (Giới tính: Nữ). Võ Chí B, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam), Võ Chí L, sinh năm 1996; (Giới tính: Nam), ba con chung đều đã trưởng thành, riêng con thứ 04 ông không công nhận là con chung giữa ông và bà Đ, ông cũng không thử ADN đối với đứa bé mà bà Đ mới sinh, ông cũng đã được Tòa án giải thích về việc đi thử ADN để chứng minh đó có phải là con chung giữa ông và bà Đ, nhưng ông thấy không cần thiết nên không thử ADN vì thực tế ông và bà Đ đã tự sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau, bà Đ đã tự xác định là con riêng của bà trong thời kỳ sống chung ông đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203, 237, 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Văn H.

Về con chung: ông bà có 03 con là Võ Thị Kim N, sinh năm 1993; (Giới tính: Nữ). Võ Chí B, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam), Võ Chí L, sinh năm 1996; (Giới tính: Nam), 03 con đều đã trưởng thành.

Con thứ 04 giao cho bà Đ nuôi dưỡng và giáo dục con sinh ngày 14/11/2018 cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn H có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn LHg, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vì vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Văn H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Đ, ông H không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà Đ và ông H đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông, bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đ và ông H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: trong thời kỳ sống chung ông, bà xác nhận có 03 con Võ Thị Kim N, sinh năm 1993; (Giới tính: Nữ). Võ Chí B, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam), Võ Chí L, sinh năm 1996; (Giới tính: Nam). 03 con đều đã trưởng thành.

Riêng con thứ 04, sinh ngày 14/11/2018 (giới tính nữ), chưa làm giấy khai sinh, ông bà không công nhận là con chung, ông bà cũng không tiến hành việc thử ADN để xác định huyết thống đối với đứa bé. Tòa án đã giải thích về việc thử ADN để chứng minh đó có phải là con chung giữa ông bà nhưng ông bà xét thấy không cần thiết; trong đơn khởi kiện nguyện vọng của bà sau ly hôn là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho bé gái mới sinh nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu vấn đề này nên HĐXX không xét và chấp nhận việc bà Đ xác định đó là con riêng của bà trong thời kỳ bà và ông H chung sống.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Văn H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: ông bà có 03 con là Võ Thị Kim N, sinh năm 1993; (Giới tính: Nữ). Võ Chí B, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam), Võ Chí L, sinh năm 1996; (Giới tính: Nam). 03 con đều đã trưởng thành.

Con thứ 04, sinh ngày 14/11/2018 (giới tính nữ) là con riêng của bà Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019845 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; bà Đ đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn H là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (03/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND (Tỉnh - Huyện);*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Phong;*
- *UBND thị trấn Liên Hương;*
- *Lưu.*